

Phụ lục 7: THỐNG KÊ CÁC KÊNH HIỆN CÓ TÍNH ĐẾN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số: 348 /BC-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị: m

TT	Tên kênh	Địa điểm	Tổng chiều dài kênh, mương	Tổng chiều dài kiên cố	Tỷ lệ % được kiên cố	Phân loại kênh, mương
A	B	I	2	3	4	5
I	Xã Nghĩa Thương		24.362	22.182	91	
1	Kênh N8-5-11	Nghĩa Thương	1.239	1.239	100	Kênh, mương vừa: Có lưu lượng từ 0,5m3/s đến dưới 10m3/s hoặc có chiều rộng đáy kênh từ 0,5m đến dưới 5m và kênh, mương nhỏ: Có lưu lượng dưới 0,5m3/s hoặc có chiều rộng đáy kênh dưới 0,5m
2	Kênh N8-5-KD	Nghĩa Thương	806	806	100	
3	Kênh N10-12-1	Nghĩa Thương	1.057	1.057	100	
4	Kênh N10-12-4	Nghĩa Thương	579	579	100	
5	Kênh N10-12-3	Nghĩa Thương	926	926	100	
6	Kênh N8-5-KD2	Nghĩa Thương	978	978	100	
7	Kênh N10-12-6	Nghĩa Thương	1.225	1.225	100	
8	Kênh Trạm bơm đội 11	Nghĩa Thương	358	358	100	
9	Kênh N10-12-2	Nghĩa Thương	1.000	1.000	100	
10	Kênh N8-5-KD	Nghĩa Thương	800	800	100	
11	Kênh trạm bơm đội 6	Nghĩa Thương	300	300	100	
12	Kênh N10-12-1	Nghĩa Thương	700	700	100	
13	Kênh N8-5-KD1	Nghĩa Thương	350	350	100	
14	Kênh trạm bơm đội 14	Nghĩa Thương	300	300	100	
15	Kênh N8-VC7	Nghĩa Thương	900	900	100	
16	Kênh N8-VC10	Nghĩa Thương	1.100	1.100	100	
17	Kênh N8-9KD	Nghĩa Thương	1.900	1.900	100	
18	Kênh N8-VC8	Nghĩa Thương	2.015	2.015	100	
19	Kênh N8-8	Nghĩa Thương	1.300	1.300	100	
20	Kênh N8-VC8-1	Nghĩa Thương	1.100	1.100	100	
21	Kênh N16-16-1	Nghĩa Thương	686	686	100	
22	Kênh N16-16-2	Nghĩa Thương	763	763	100	
23	Kênh N8-9-1	Nghĩa Thương	1.800	1.800	100	
24	Kênh Bàu Máng	Nghĩa Thương	800			
25	Kênh mương Vọng - 1	Nghĩa Thương	580			
26	Kênh Trạm bơm Hương Quý	Nghĩa Thương	800			
II	Xã Nghĩa Hòa		8.972	6.972	77,71	
1	Kênh tưới trạm bơm vô hồi	Nghĩa Hòa	1.152	1.152	100	
2	Kênh Vô Hồi - Gò Đơn	Nghĩa Hòa	469	469	100	
3	Kênh Trạm bơm Đồng Cồn	Nghĩa Hòa	830	830	100	
4	Kênh xứ Cát (N8-10-2)	Nghĩa Hòa	700	700	100	
5	Kênh 26-3	Nghĩa Hòa	1.350	1.350	100	
6	Kênh N8-11	Nghĩa Hòa	736	736	100	
7	Kênh N8-11-1KD	Nghĩa Hòa	665	665	100	
8	Kênh N8-10-1	Nghĩa Hòa	1.070	1.070	100	
9	Kênh Cổng dẫn dòng đi Ao ông Thi	Nghĩa Hòa	850			
10	Mương dẫn dòng	Nghĩa Hòa	1.150			
VIII	Xã Nghĩa Trung		13.043,5	8.343,5	64,0	
1	N10-10b	Nghĩa Trung	600,0	600,0	100,0	
2	Kênh N8-VC4	Nghĩa Trung	1.636,0	1.636,0	100,0	
3	Kênh N8-VC6	Nghĩa Trung	625,0	625,0	100,0	
4	Kênh N10-9	Nghĩa Trung	784,0	784,0	100,0	
5	Kênh N10-8-1	Nghĩa Trung	1.000,0	1.000,0	100,0	
6	Kênh N10-8	Nghĩa Trung	2.013,0	2.013,0	100,0	
7	Kênh N10-4-2 KD	Nghĩa Trung	900,0	900,0	100,0	
8	Kênh N10-10 KD	Nghĩa Trung	785,5	785,5	100,0	
9	Kênh N10-4-2.1	Nghĩa Trung	1.800,0		-	
10	Kênh N10-VC-Gò Dầu	Nghĩa Trung	900,0		-	
11	Kênh N10-8-1KD, xã Nghĩa Trung	Nghĩa Trung	2.000,0		-	
10	Kênh Đồng Quang - Đồng phía Tây	Nghĩa Sơn	700,0	700,0	100,0	

XIII	Thị trấn La Hà		3.331,0	1.431,0	43,0	
1	Kênh N8-6	La Hà	1.200,0	1.200,0	100,0	
2	Kênh N8-5-6	La Hà	90,0	90,0	100,0	
3	Kênh N8-10-5	La Hà	141,0	141,0	100,0	
4	Kênh N8-6A-1	La Hà	1.200,0			
5	Kênh N8-1	La Hà	700,0			
	Tổng cộng		49.708,2	38.928,2	78,3	

